

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Công trình: Trường Trung cấp nghề Thủ công Mỹ nghệ Bình Định

Các Hạng mục: San nền - Cổng - Tường rào; Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A; Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng trường; Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B; Nhà ăn; Nhà để xe học viên; Nhà để xe cán bộ giáo viên; Cấp thoát nước ngoài nhà; Nhà thường trực; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa; Hành lang cầu; Bể nước 50m³ và Đài nước 40m³; Trạm biến áp 250kva/0,4kv và Hệ thống điện ngoài nhà

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Công văn số 13496/BTC-ĐT ngày 09/10/2017 của Bộ Tài chính về việc xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các dự án hoàn thành từ năm 2005 đến năm 2014 do không đủ hồ sơ quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 16/TTr-STC ngày 11/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- **Tên công trình:** Trường Trung cấp nghề Thủ công Mỹ nghệ Bình Định.

+ Hạng mục: San nền - Cổng - Tường rào (*Hạng mục 1*).

+ Hạng mục: Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A (*Hạng mục 2*).

+ Hạng mục: Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B (*Hạng mục 3*).

+ Hạng mục: Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng trường (*Hạng mục 4*).

+ Hạng mục: Nhà ăn; Nhà để xe học viên; Nhà để xe cán bộ giáo viên; Cấp thoát nước ngoài nhà; Nhà thường trực; Sân, Đường nội bộ,

Bồn hoa; Hành lang cầu; Bể nước 50m³ và Đài nước 40m³
(Hạng mục 5).

+ Hạng mục: Trạm biến áp 250kva/0,4kv và Hệ thống điện ngoài nhà
(Hạng mục 6).

- **Chủ đầu tư:** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- **Cấp quyết định đầu tư:** UBND tỉnh.

- **Địa điểm đầu tư:** Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):**

+ Hạng mục 1: 20/11/2010 - 13/10/2011

+ Hạng mục 2: 25/01/2011 - 16/01/2012

+ Hạng mục 3: 25/8/2011 - 17/12/2012

+ Hạng mục 4: 25/01/2011 - 06/9/2011

+ Hạng mục 5: 05/12/2012 - 29/10/2013

+ Hạng mục 6: 29/9/2011 - 21/10/2011

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Dự toán công trình được duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5 = 3 - 4
Tổng số	39.911.978.425	30.643.803.736	30.558.893.736	84.910.000
1/ Ngân sách Nhà nước:	39.911.978.425	30.643.803.736	31.198.250.000	84.910.000
- Vốn ngân sách Trung ương (Vốn chương trình mục tiêu quốc gia):			31.198.250.000	
2/ Đã thu hồi:			197.457.386	
3/ Phải thu hồi:			441.898.878	

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng cộng chi phí	39.911.978.425	30.643.803.736
- Chi phí xây lắp và thiết bị:	34.657.074.210	27.971.370.736

+ Hạng mục San nền, cổng, tường rào	4.020.275.228	3.501.042.000
+ Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	4.735.171.372	4.635.231.000
+ Hạng mục Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng	789.341.918	711.115.310
+ Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B	16.490.665.434	12.588.740.426
+ Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đài nước 40m ³	7.219.802.894	5.166.176.000
+ Hạng mục Trạm biến áp 250KVA - 22/0,4kv và hệ thống điện ngoài nhà	1.401.817.364	1.369.066.000
- Chi phí quản lý dự án:	643.272.809	365.021.000
+ Hạng mục San nền, cổng, tường rào	71.284.424	56.511.000
+ Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	86.750.385	61.124.000
+ Hạng mục Di dời đường dây tránh mặt bằng Trường	20.972.815	
+ Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B	302.182.154	152.287.000
+ Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đài nước 40m ³	132.294.412	95.099.000
+ Hạng mục Trạm biến áp 250KVA - 22/0,4kv và hệ thống điện ngoài nhà	29.788.619	
- Chi phí tư vấn:	2.378.599.306	2.075.753.000
+ <i>Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết</i>	<i>67.934.000</i>	<i>61.115.000</i>
+ <i>Lập dự án đầu tư xây dựng</i>	<i>166.388.877</i>	<i>166.388.000</i>
+ <i>Khảo sát bước thiết kế và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán</i>	<i>1.000.557.965</i>	<i>957.847.000</i>
x Hạng mục San nền, cổng, tường rào (Thiết kế)	103.602.158	95.617.000
x Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A		
. Khảo sát	39.424.000	39.024.000
. Thiết kế	117.284.093	117.284.000
x Hạng mục Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng (Thiết kế)	34.359.589	34.359.000

x	Hạng mục nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B		
.	Khảo sát	78.848.000	78.249.000
.	Thiết kế	400.023.789	380.421.000
x	Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đai nước 40m ³ (Thiết kế)	191.625.112	177.502.000
x	Hạng mục Trạm biến áp 250KVA - 22/0,4kv và hệ thống điện ngoài nhà (Thiết kế)	35.391.224	35.391.000
+	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, thẩm tra thiết kế, dự toán	107.613.102	55.968.000
x	Hạng mục San nền, công, tường rào	10.627.840	10.090.000
x	Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	15.002.523	15.002.000
x	Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B	51.105.595	0
x	Hạng mục Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng	4.000.000	4.000.000
x	Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đai nước 40m ³	22.450.861	22.450.000
x	Hạng mục Trạm biến áp 250KVA - 22/0,4kv và hệ thống điện ngoài nhà	4.426.283	4.426.000
+	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu thi công xây lắp và cung cấp thiết bị	79.545.699	51.359.000
x	Hạng mục San nền, công, tường rào	8.119.519	0
x	Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	10.389.247	0
x	Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B	36.425.149	35.812.000
x	Hạng mục Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng	3.397.266	0
x	Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đai nước 40m ³	15.931.083	15.547.000

x	Hạng mục Trạm biến áp 250KVA - 22/0,4kv và hệ thống điện ngoài nhà	5.283.435	0
+	<i>Giám sát thi công xây lắp và lắp đặt thiết bị</i>	722.546.513	593.230.000
x	Hạng mục San nền, cổng, tường rào	74.084.277	69.561.000
x	Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	100.563.788	99.426.000
x	Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B	345.000.310	263.715.000
x	Hạng mục Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng	21.714.641	21.022.000
x	Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m3; Đài nước 40m3	151.393.637	109.717.000
x	Hạng mục Trạm biến áp 250KVA - 22/0,4kv và hệ thống điện ngoài nhà	29.789.860	29.789.000
+	<i>Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình</i>	234.013.149	189.846.000
x	Hạng mục San nền, cổng, tường rào	25.929.497	24.346.000
x	Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	35.197.326	34.799.000
x	Hạng mục nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B	119.898.518	92.300.000
x	Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m3; Đài nước 40m3	52.987.808	38.401.000
-	Chi phí khác:	303.081.431	231.659.000
+	<i>Bảo hiểm công trình</i>	54.321.179	40.066.000
x	Hạng mục San nền, cổng, tường rào	5.477.436	5.222.000
x	Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	6.756.864	
x	Hạng mục Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng	2.525.894	
x	Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B	24.392.327	26.001.000

x	Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đài nước 40m ³	10.770.800	8.843.000
x	Hạng mục Trạm biến áp 250KVA - 22/0,4kv và hệ thống điện ngoài nhà	4.397.858	
+	Lệ phí thẩm định thiết kế cơ sở (Hạng mục nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B)	2.466.975	
+	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	9.000.000	
x	Hạng mục San nền, cổng, tường rào	2.000.000	
x	Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	2.000.000	
x	Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B	4.000.000	
x	Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đài nước 40m ³	1.000.000	
+	Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu	18.000.000	
x	Hạng mục San nền, cổng, tường rào	4.000.000	
x	Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	4.000.000	
x	Hạng mục nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B	8.000.000	
x	Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đài nước 40m ³	2.000.000	
+	Kiểm toán	133.332.421	133.322.000
+	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	76.167.400	58.271.000
+	Phí Tài nguyên môi trường (của Hạng mục San nền, cổng, tường rào)	2.054.810	
+	Chi phí nghiệm thu đóng điện và thỏa thuận thiết kế trước thi công (của Hạng mục Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng)	7.738.646	
-	Chi phí dự phòng	1.929.950.669	

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.
 3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
 3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.
 4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			30. 643.803.736	30. 643.803.736
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			30. 643.803.736	30. 643.803.736
2- Tài sản ngắn hạn				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	30. 643.803.736	
1. Ngân sách Nhà nước:	30. 643.803.736	
- Vốn ngân sách Trung ương đã bố trí (Vốn chương trình mục tiêu quốc gia):	31.198.250.000	
- Vốn đã thu hồi:	197.457.386	
- Vốn còn phải thu hồi:	441.898.878	
2. Nguồn vốn chưa bố trí :	84.910.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2020 (ngày Kho bạc xác nhận số đã cấp, cho vay, thanh toán tại Bảng đối chiếu số liệu cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư) là:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi phí	Tổng nợ phải thu hồi	Tổng nợ phải trả
Tổng cộng	441.898.878	84.910.000
- Chi phí xây lắp và thiết bị:	229.979.878	26.639.000
+ Hạng mục San nền, công, tường rào:	2.147.482	

+ Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A	45.984.858	
+ Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B:	179.425.314	
+ Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đài nước 40m ³		26.639.000
+ Hạng mục Trạm biến áp 250KVA - 22/0,4kv và hệ thống điện ngoài nhà	2.422.224	
- Chi phí tư vấn:	211.919.000	
+ <i>Khảo sát bước TK, thiết kế BVTC & DT</i>	18.021.000	
x Hạng mục San nền, cổng, tường rào (Thiết kế):	3.401.000	
x Hạng mục nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B:	497.000	
x Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đài nước 40m ³ (Thiết kế)	14.123.000	
+ <i>Thẩm tra thiết kế BVTC, Thẩm tra thiết kế, dự toán (Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B:</i>	51.104.000	
+ <i>Giám sát thi công xây lắp và lắp đặt thiết bị</i>	99.889.000	
x Hạng mục San nền, cổng, tường rào:	4.148.000	
x Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A:	1.058.000	
x Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B:	58.545.000	
x Hạng mục Di dời đường dây 22kv tránh mặt bằng	639.000	
x Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đài nước 40m ³	35.499.000	
+ <i>Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình</i>	42.905.000	
x Hạng mục San nền, cổng, tường rào:	323.000	
x Hạng mục Nhà thể thao đa năng; Nhà học lý thuyết 2A:	398.000	
x Hạng mục Nhà hiệu bộ; Nhà học lý thuyết 2B; Nhà xưởng thực hành 3A, 3B:	27.598.000	

x Hạng mục Nhà ăn, để xe học viên, để xe cán bộ giáo viên, thường trực; Cấp thoát nước ngoài nhà; Sân, Đường nội bộ, Bồn hoa, Hành lang cầu; Bể nước 50m ³ ; Đài nước 40m ³	14.586.000	
- Chi phí khác (Thẩm tra phê duyệt quyết toán)		58.271.000

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Trường Trung cấp nghề Thủ công Mỹ nghệ Bình Định	30.643.803.736	

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các thủ tục quyết toán công trình nêu trên theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Thủ công Mỹ nghệ Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang